

Bản án số: 04 /2020/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng;

- Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973 (có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A (tức Nguyễn Tuấn H), sinh năm 1966 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ cư trú: Khu hành chính 7, phường L, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn A (tức Nguyễn Tuấn H) trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/12/2004 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh Tuấn A tại Khu hành chính 7, phường L, thành phố K. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do anh Tuấn A hay chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị nhiều lần phải bán tài sản để trả nợ cho anh Tuấn A. Đầu năm 2019 chị có vay tiền thuê cửa hàng để anh Tuấn A bán quần áo, tuy nhiên anh chỉ bán được khoảng 01 tháng thì anh đã gán toàn bộ cửa hàng cho chủ nợ. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A (tức Nguyễn Tuấn H) tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai anh Tuấn A trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng mâu thuẫn. Song nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị H và anh Tuấn A xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 26/10/2005 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/06/2012, hiện hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về việc nuôi con chung tại lời khai anh Tuấn A nhất trí để chị H nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về thu nhập: Chị H hiện kinh doanh bán quần áo thu nhập trung bình khoảng từ 6 – 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị H và anh Tuấn A xác nhận anh chị không có tài sản chung và không vay của ai tài sản gì.

Về công sức: Chị H chỉ có thời gian ngắn ở chung cùng gia đình anh Tuấn A nên chị không có công sức gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 26/10/2005 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/06/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, vay nợ; công sức: Không có; về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với anh Nguyễn Tuấn A (tức Nguyễn Tuấn H) trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 3/2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do anh Tuấn A thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng nhiều lần cãi nhau, chị H nhiều lần phải bán tài sản để trả nợ cho anh Tuấn A. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay chị H và anh Tuấn A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tuấn A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Tuấn A.

[4] Về con chung: Chị H và anh Tuấn Anh có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 26/10/2005 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/06/2012. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét yêu cầu được nuôi cả hai con chung của chị H phù hợp với quan điểm của anh Tuấn A và phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu là được ở với chị H. Vì vậy cần giao cháu M và cháu N cho chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; vay nợ; công sức: Không có.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A (tức Nguyễn Tuấn H).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 26/10/2005 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/06/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; vay nợ; công sức: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0006639 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Các đương sự ;
- UBND phường L (ĐKKH năm 2004);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

